

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/DS-PT.

Ngày 21-5-2020

V/v: “*Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trong
hợp đồng xây dựng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thọ;

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Quyết;

Ông Nguyễn Hải Vinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 21/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2020/TLPT- DS ngày 19/02/2020 về việc: “ *tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng xây dựng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 46/2019/DS-ST ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 53 /2020/QĐ-PT ngày 20/3/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty xây dựng Q Bắc Ninh.

Trụ sở: Thôn P, xã PT, huyện TD, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tiến H – Giám đốc (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Quốc Đ - Phó Giám đốc Công ty (có mặt).

Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Nay là Ủy ban nhân dân thị trấn T huyện H, tỉnh Bắc Giang (sáp nhập theo Nghị quyết số 813/NQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – Chủ tịch UBND thị trấn T, huyện H(có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn T– Nguyên Chủ tịch UBND xã Đ(vắng mặt);

- Ông Lê Văn B;

Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt);

- UBND huyện H, tỉnh Bắc Giang do ông Hoàng Công B - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H đại diện theo pháp luật.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau: Tại đơn khởi kiện ngày 05/7/2016, thay đổi ngày 26/6/2017, các bản khai, Công ty Q – Bắc Ninh trình bày: Ngày 26/12/2000, Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H do ông Nguyễn Văn T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân đại diện theo pháp luật ký kết Hợp đồng kinh tế về giao nhận thầu trong xây dựng cơ bản số 89 với công ty xây dựng Q Bắc Ninh (Sau đây gọi là Công ty) về việc xây dựng Trường Tiểu học số 2, xã Đ, huyện H. Đến năm 2001, Công ty đã hoàn thành xong việc xây dựng phần móng công trình, dự toán giá trị là 74.762.000 đồng. Sau đó, UBND xã Đ đã đơn phương chấm dứt hợp đồng xây dựng và cùng với Công ty quyết toán khối lượng công việc đã hoàn thành và giá trị công trình tương ứng với khối lượng công việc đã hoàn thành. Tuy nhiên do biên bản quyết toán giá trị công trình đã hoàn thành được lập thành 01 bản và Ủy ban nhân dân xã Đ lưu giữ nên Công ty không có tài liệu về giá trị công trình đã hoàn thành. Do vậy tại đơn khởi kiện, Công ty yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H phải bồi thường thiệt hại số tiền Công ty đã đầu tư xây dựng phần thô móng công trình Trường tiểu học số 2, xã Đ từ đầu năm 2001 theo Hợp đồng kinh tế số 89 ngày 26/12/2019, theo đúng tính toán trong dự toán thiết kế của Ban quản lý công trình huyện H được Ủy ban

nhân dân huyện H phê duyệt tại quyết định số 581/QĐ-CT ngày 03/11/2000; bao gồm: Số tiền gốc năm 2000 là 74.762.000 đồng; tiền thiệt hại do chậm thanh toán từ tháng 01/2000 đến khi khởi kiện là 184 tháng, mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 0,75%/ tháng là 103.171.560 đồng. Tổng số tiền Công ty yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H trả là 177.933.560 đồng.

Ngày 20/01/2017, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang đã hòa giải. Hai bên thống nhất số tiền Ủy ban nhân dân xã Đ huyện H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty giá trị phần móng đã thi công trị giá 95.484.000đ theo “Biên bản thống nhất khối lượng đã hoàn công giá năm 2001” các bên lập và ký 04/5/2010. Kết quả hòa giải thành. Ngày 23/01/2017 Công ty thay đổi, không đồng ý thỏa thuận tại Biên bản hòa giải thành ngày 20/01/2017. Ngày 26/6/2017 Công ty thay đổi yêu cầu khởi kiện. Lý do thay đổi: Do không biết rõ giá trị phần khối lượng công việc đã hoàn thành nên Công ty Q yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H trả 74.762.000 đồng và tiền lãi suất 184 tháng = 103.171.560 đồng. Sau đó Công ty có tự thuê Công ty thẩm định ngoài để thẩm định theo thiết kế phần móng trường tiểu học số 2 xã và đã xác định được giá tiền tương ứng với khối lượng công việc đã hoàn thành là 344.312.560 đồng, do vậy mặc dù tại các “Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc đã hoàn thành ngày 10/ 6/ 2001” và “Biên bản thống nhất khối lượng đã hoàn công giá ngày 04/ 5/ 2010” giữa UBND xã Đ, huyện H và Công ty đã tự nguyện thống nhất thanh lý nội dung công việc đã thi công và giá trị khối lượng đã hoàn công tổng cộng 95.484.000 đồng, nhưng Công ty căn cứ Kết luận định giá tài sản của Công ty thẩm định nên thay đổi nội dung khởi kiện: Yêu cầu UBND xã Đ phải trả tiền xây dựng phần thô móng trường tiểu học số 2 xã Đ là 344.312.560 đồng bao gồm các chi phí ghi tại “Bảng tính toán giá trị tài sản là phần thô móng trường tiểu học số 2 xã Đ, huyện H” (bút lục số 96), bao gồm các chi phí sau: Chi phí vật liệu xây dựng: 142.313.668đ; Chi phí Nhân công 183.000.000đ; Các khoản chi khác 19.312.560đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty còn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H trả tiền chi phí đi lại của nhà thầu, thành viên đoàn thẩm định: 3000.000 đồng; chi phí thuê đơn vị hợp pháp để kiểm tra quyết toán đã lập tháng 8/2018 số tiền: 5.400.000 đồng; tiền lãi do chậm thanh toán tính từ tháng 8/ 2018 đến tháng 10/ 2019 là 14 tháng, lãi suất 0,75%/ tháng tính thành tiền là 31.863.000đ (bút lục 405).

Bị đơn là Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H (Nay là Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H): Đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn T- Chủ tịch UBND xã trình bày: Ngày 26/12/2000, Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H do đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký Hợp đồng kinh tế số 89 với công ty xây dựng Q - Bắc Ninh về việc xây dựng Trường tiểu học số 2, xã Đ, huyện H. Đến năm 2001, Công ty đã hoàn thành xong việc xây dựng phần móng công trình. Sau đó, UBND xã Đ và Công ty đã quyết toán công trình tại Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc đã hoàn thành ngày 10/6/2001 và Biên bản thống nhất khối lượng đã hoàn công giá ngày 04/ 5/ 2010” do đại diện theo ủy quyền của Công ty là ông Vũ Quốc Đ thống nhất thanh lý nội dung công việc đã thi công phần móng công trình, giá trị tổng cộng 95.484.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Như vậy, UBND xã Đ và Công ty đã tự nguyện thống nhất quyết toán giá trị khối lượng công việc đã hoàn thành của công trình là 95.484.000 đồng nên Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H chỉ đồng ý trả Công ty 95.484.000 đồng và tiền lãi; trường hợp đại diện Công ty tự nguyện thỏa thuận thì Ủy ban nhân dân xã Đ đồng ý trả 95.484.000 đồng tiền giá trị công trình và tiền lãi, tổng cộng 140.000.000 đồng; trường hợp không thỏa thuận được thì đồng ý trả 95.484.000 đồng tiền giá trị công trình và tiền lãi theo quy định pháp luật, Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H không đồng ý trả Công ty 344.312.560đ đồng cho phần móng trường tiểu học số 2 xã mà Công ty yêu cầu khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Lê Văn B trình bày tại Giấy xác nhận ngày 21/8/ 2019: Ông Bộ xác nhận “ Biên bản thống nhất khối lượng đã hoàn công giá ngày 04/ 5/ 2010 ” là đúng sự thực.

Ông Nguyễn Văn T không có bản khai trong hồ sơ.

- UBND huyện H không có ý kiến lưu trong hồ sơ: Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2019/DS-ST ngày 2/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

1/ Áp dụng các điều 121, 281,290, 388, 405 Bộ luật dân sự 2005, điều 468, điều 688- Bộ luật dân sự 2015; các điều 147 và 227, 228, điều 271 và 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điều 26- Nghị quyết 326/ 2016/ UBTWQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí lệ phí Tòa án năm 2016:

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H phải có nghĩa vụ trả Công ty xây dựng Q- Bắc Ninh 95.484.000 đồng tiền hợp đồng thi công phần móng Trường tiểu học số 2 xã Đ và tiền thẩm định, định giá 1.800.000 đồng+ Số tiền lãi 95.484.000 đồng x 14 tháng x 0,75% = 10.025.820 đồng, tổng cộng 107.309.820 đồng (Một trăm linh bảy triệu ba trăm linh chín nghìn tám trăm hai mươi đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên, lãi suất chậm trả, các quy định của pháp luật liên quan đến quyền và quyền thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/10/2019 nguyên đơn nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Nội dung kháng cáo: Không đồng ý với toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định giá trị tài sản là 386.224.000đ; xác định lại các thiệt hại do chậm thanh toán từ tháng 8/2018; xác định các thiệt hại khác như tiền thẩm định giá đã nộp cho Tòa án; tiền thẩm định giá đã nộp cho cơ quan kiểm toán độc lập.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vũ Quốc Đ đại diện Công ty trình bày: Biên bản thống nhất khối lượng đã hoàn công giá năm 2001 lập ngày 04/5/2010 (bút lục 81) là xác định giá trị khối lượng công việc xây dựng phần móng công trình Trường tiểu học số 2 xã tại thời điểm năm 2001, tuy nhiên văn bản đó không được cơ quan nào thẩm định kiểm toán nên không xử lý đòi nợ được, đến tháng 6/2019 Công ty mới thuê đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty trách nhiệm hữu hạn kiểm toán và tư vấn C kiểm toán và thẩm định xong công trình, xác định giá xây dựng tại thời điểm tháng 8/2018 của phần móng 10 phòng học trường tiểu học số xã Đ, huyện H với khối lượng đã thực hiện có giá trị là 386.224.000đ (ba trăm tám mươi sáu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Nguyên đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn T), huyện H phải thanh toán trả số tiền 386.224.000đ (ba trăm tám mươi sáu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng) và lãi suất 0,75%/tháng tính từ tháng 6/2019 đến ngày 02/10/2019. Về chi phí định giá, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là Ủy ban nhân dân thị trấn Thắng huyện H(ông Nguyễn Văn T trình bày): Biên bản thống nhất khối lượng đã hoàn công giá năm 2001 lập ngày 04/5/2010 là xác định giá trị khối lượng công việc xây dựng phần móng công trình

Trường tiểu học số 2 xã tại thời điểm năm 2001 là thời điểm chấm dứt hợp đồng, theo nội dung ghi tại biên bản này thì phía bị đơn chỉ phải thanh toán cho phía nguyên đơn 81.042.000đ (tám mươi một triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng), tuy nhiên phía bị đơn vẫn đồng ý thanh toán cho phía nguyên đơn 95.484.000đ, bị đơn không đồng ý trả cho nguyên đơn 386.224.000đ (ba trăm tám mươi sáu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng) như nguyên đơn đã trình bày. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đúng đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Hợp đồng kinh tế số 89 ngày 26/12/2000 được xác lập bởi đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Đ và ông Vũ Quốc Đ – Đại diện theo ủy quyền của Công ty xây dựng Q - Bắc Ninh. Các thủ tục tham gia xác lập hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, mục đích rõ ràng. Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc đã hoàn thành ngày 10/6/2001 và Biên bản thống nhất khối lượng đã hoàn công giá ngày 04/5/2010. Ông Đ đại diện Công ty Q - Bắc Ninh cũng thừa nhận các biên bản trên là đúng sự thực và tự nguyện. Do vậy, Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của Công ty Q yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Đ trả 344.312.560đ, buộc Ủy ban nhân dân xã Đ phải trả Công ty xây dựng Q - Bắc Ninh và chịu lãi suất đối với số tiền 95.484.000đ là có căn cứ.

- Công ty xây dựng Q - Bắc Ninh không đưa ra được tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

- Về án phí: Công ty xây dựng Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử: Không chấp kháng cáo của Công ty xây dựng Q - Bắc Ninh; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Công ty xây dựng Q - Bắc Ninh phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 02/10/2019 Tòa sơ thẩm tuyên án, ngày 16/10/2019 Công ty Q - Bắc Ninh kháng cáo và nộp tạm ứng án phí, kháng cáo của Công ty Q hợp lệ, trong hạn luật định. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện H, ông Nguyễn Văn T, ông Lê Văn B là những người tham gia tố tụng không liên quan đến việc kháng cáo đều vắng mặt nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết kháng cáo. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang, ông Nguyễn Văn T, ông Lê Văn B theo quy định tại Điều 294, Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn Công ty Q - Bắc Ninh.

[2.1]. Về yêu cầu yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định giá trị tài sản là 386.224.000đ (ba trăm tám mươi sáu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng); xác định lại các thiệt hại do chậm thanh toán từ tháng 8/2018. Hội đồng xét xử thấy: Tại biên bản thống nhất khối lượng đã hoàn công giá năm 2001 lập ngày 04/5/2010, các bên đã thống nhất giá trị phần móng công trình là 95.484.000 nhưng Công ty đã thi công khối lượng công việc tương ứng với 81.042.000đ, do vậy cần phải tính giá trị công trình là giá tại thời điểm các bên ký biên bản thống nhất ngày 04/5/2010 là 95.484.000, Công ty được thanh toán 81.042.000đ là khối lượng thực công việc đã thi công để buộc Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H thanh toán cho Công ty, tuy nhiên phía Ủy ban nhân dân xã Đ vẫn đồng ý trả Công ty 95.484.000 là có căn cứ, phù hợp với Điều 527 Bộ luật dân sự năm 1995 và Điều 524 Bộ luật dân sự năm 2005. Phía Công ty yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H thanh toán số tiền 386.224.000đ (ba trăm tám mươi sáu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng) theo kết quả kiểm tra của Công ty trách nhiệm hữu hạn kiểm toán và tư vấn C xác định giá xây dựng tại thời điểm tháng 8/2018 là không có căn cứ để chấp nhận. Tại biên bản thống nhất khối lượng đã hoàn công giá năm 2001 các bên không ấn định thời hạn thanh toán, không thỏa thuận trách nhiệm chịu lãi chậm thanh toán, do vậy không có căn cứ để xác định Công ty bị thiệt hại do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H chậm thanh toán, do vậy không thể chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn mà cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2.2]. Nội dung kháng cáo về xác định các thiệt hại khác như tiền thẩm định giá đã nộp cho Tòa án; tiền thẩm định giá đã nộp cho cơ quan kiểm toán độc lập. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy: Các chi phí cho thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản, thẩm định giá là những chi phí tổ tụng quy định tại Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bản án sơ thẩm đã buộc bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản; Yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán 386.224.000đ (ba trăm tám mươi sáu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng) theo kết quả kiểm tra của Công ty trách nhiệm hữu hạn kiểm toán và tư vấn C không được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu chi phí thẩm định giá do Công ty trách nhiệm hữu hạn kiểm toán và tư vấn C thực hiện là đúng quy định tại Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự, như vậy không thể chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn được.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của Nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty xây dựng Q - Bắc Ninh. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 74, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 2 Nghị Quyết số 45/2005 – QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc Hội; Điều 121, Điều 281, Điều 290, Điều 388, Điều 405, Điều 518, Điều 519, Điều 524 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 điều 468, điều 688- Bộ luật dân sự 2015; điều 26- Nghị quyết 326/ 2016/ UBTWQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí lệ phí Tòa án năm 2016:

Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty xây dựng Q - Bắc Ninh: Buộc Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H) phải có nghĩa vụ trả Công ty xây dựng Q - Bắc Ninh 95.484.000đ (chín mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn đồng) tiền hợp đồng thi công phần móng Trường tiểu

học số 2 xã và tiền lãi phát sinh từ tháng 8/2018 đến tháng 10/2019 (tính thành tiền: $95.484.000 \times 0,75\%/\text{tháng} \times 14 \text{ tháng} = 10.025.820$). Buộc Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H) hoàn trả cho Công ty Q - Bắc Ninh 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng) tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản. Tổng cộng số tiền phải trả cho Công ty Q Bắc Ninh là 107.309.820 đồng (Một trăm linh bảy triệu ba trăm linh chín nghìn tám trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H) phải chịu 5.365.491 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Công ty xây dựng Q - Bắc Ninh phải chịu 12.120.137 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ 2.680.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/ 2015/ 0000491, ngày 24/ 10/ 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty xây dựng Q - Bắc Ninh phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000144 ngày 16/10/2019. Xác nhận Công ty xây dựng Q - Bắc Ninh đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện Hiệp Hòa;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thạo